|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |   |  |

|  |
| --- |
| **Tham vấn rộng rãi/Thông báo công khai thông tin** |
| Ngày: 12 tháng 7 năm 2022 |
| Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) hôm nay chính thức khởi động phiên tham vấn rộng rãi về dự thảo đính kèm Khung quản lý môi trường và xã hội, khung chính sách về dân tộc thiểu số, Khung quy trình sơ bộ và Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường liên quan cho dự án được UNDP-GEF hỗ trợ, *Thúc đẩy bảo tồn loài hoang dã và du lịch có trách nhiệm dựa vào thiên nhiên vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam.* Tất cả ý kiến đóng góp cho phiên tham vấn này vui lòng gửi về địa chỉ sau: |
| Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam,ĐT: (+84 4) 38 500100Số fax: (84-4) 37265520[registry.vn@undp.org](registry.vn%40undp.org) |
| **Hạn chót gửi ý kiến đóng góp:** | **15 tháng 11 năm 2022** |

Dự thảo - tháng 5 năm 2022

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | TÓM TẮT |  |

|  |
| --- |
| **Tên dự án:** Thúc đẩy bảo tồn loài hoang dã và du lịch có trách nhiệm dựa vào thiên nhiên vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam |
| **Quốc gia:** Việt Nam | **Cơ quan thực hiện:** Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT)  |
| **Lĩnh vực trọng tâm của GEF**: Luật đa dạng sinh học |
| **Hạng mục xếp hạng về sàng lọc giám sát môi trường và xã hội của UNDP:**ĐÁNG KỂ | **Xếp hạng về Giới của UNDP:** GEN2 |
| **ID Atlas:**  | **Dự án Atlas/ID kết quả:**  |
| **Số ID UNDP-GEF PIMS: 6,377** | **Số ID dự án GEF:** 10,787 |
|  |

# Danh mục từ viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| ESIA | Đánh giá tác động môi trường và xã hội |
| ESMF | Khung quản lý môi trường và xã hội |
| ESMP | Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội |
| FPIC | Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin |
| GEF | Quỹ Môi trường Toàn cầu |
| GRM | Cơ chế giải quyết khiếu nại  |
| HCV | Giá trị bảo tồn cao |
| METT | Công cụ giám sát hiệu quả quản lý |
| Bộ NN&PTNT | Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn |
| Bộ TNMT | Bộ Tài nguyên và Môi trường  |
| BQLR | Ban quản lý rừng |
| KDTTN | Khu dự trữ thiên nhiên |
| VQG | Vườn quốc gia |
| KBT | Khu bảo tồn |
| PIF | Mẫu ý tưởng dự án (GEF) |
| PIR | Báo cáo thực hiện dự án GEF |
| PLR | Chính sách, Pháp lý và Quy định |
| POPP | Chính sách và thủ tục chương trình và hoạt động (UNDP) |
| PPG | Khoản tài trợ để chuẩn bị dự án (GEF) |
| SECU | Ban đánh giá tuân thủ môi trường và xã hội (UNDP) |
| SES | Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (UNDP) |
| SESP | Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (UNDP) |
| SRM | Cơ chế phản hồi của các bên liên quan (UNDP) |
| RĐD | Rừng đặc dụng |
| UNDP | Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc |
| UNDP-GEF | Ban Tài chính môi trường toàn cầu của UNDP |

# Tóm tắt chung

UNDP soạn thảo Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) này để phục vụ việc đệ trình lên GEF dự án “*Thúc đẩy bảo tồn loài hoang dã và du lịch có trách nhiệm dựa vào thiên nhiên vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam”*. Khung chính sách này không chỉ nhằm hỗ trợ công tác đánh giá tác động tiềm ẩn đối với môi trường và xã hội mà còn làm cơ sở cho công tác đánh giá và quản lý tác động từ việc Quản lý môi trường và xã hội của dự án để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu theo Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của UNDP.

Dựa trên Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP, việc phân tích và sàng lọc sơ bộ trong giai đoạn phát triển dự án đã xác định được rủi ro xã hội và môi trường tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động của dự án. Quy trình sàng lọc chỉ ra xếp hạng tổng thể của dự án đạt mức "Đáng kể" với 3 rủi ro "Đáng kể" và 11 "Rủi ro trung bình", đồng thời xác định có thể quản lý được các tác động của rủi ro môi trường và xã hội thông qua biện pháp giảm thiểu cụ thể đã nêu chi tiết trong Mẫu sàng lọc tại **Phụ lục 9.1.**

Cần lưu ý rằng một số hoạt động thí điểm sẽ được triển khai tại những địa điểm có người người dân tộc thiểu số (dân tộc bản địa theo định nghĩa trong Tiêu chuẩn SES 6) sinh sống, có hoạt động sinh kế hoặc sống theo tập tục truyền thống. Mặc dù trong giai đoạn PPG, người dân DTTS đã tham gia vào các buổi tham vấn được đảm bảo tiến hành theo nguyên tắc FPIC, hoạt động FPIC bổ sung sẽ được thực hiện để đảm bảo sự chấp thuận của các cộng đồng này đối với các hoạt động và khoản đầu tư của dự án như một phần của quá trình tham vấn chi tiết hơn khi thực hiện dự án.

Mục đích cụ thể khi xây dựng Khung quản lý môi trường và xã hội là phác thảo quy trình cần thực hiện trong giai đoạn khởi động/triển khai Dự án, từ đó đánh giá bổ sung các tác động có thể xảy ra và xác định cũng như ghi rõ các biện pháp quản lý rủi ro thích hợp, phù hợp với SES của UNDP. Khung quản lý môi trường và xã hội cũng bao gồm Khung chính sách cho dân tộc bản địa (được gọi là Khung chính sách về dân tộc thiểu số;), phần mô tả vai trò và trách nhiệm, ngân sách liên quan cũng như khung thời gian thực hiện. Các hoạt động liên quan trong tài liệu Khung quản lý môi trường và xã hội này bao gồm:

1. Các quy trình FPIC bổ sung sẽ được thực hiện song song với thời điểm bắt đầu dự án dành cho người dân tộc thiểu số để người dân chấp thuận các hoạt động trong địa bàn dự án tại cả hai KBT.[[1]](#footnote-1) FPIC sẽ tiếp tục được thực hiện trong suốt quá trình triển khai (theo EMPF và EMP tiếp theo).
2. Phát triển các ESIA[[2]](#footnote-2) và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội theo phạm vi đã khoanh vùng trong Năm 1- Quý 3 và Kế hoạch cho dân tộc thiểu số (tương đương với Kế hoạch cho dân tộc bản địa) để thay thế cho Khung chính sách về dân tộc thiểu số (EMPF) đã xây dựng ở giai đoạn PPG.
3. Có thể cần tiến hành/áp dụng phương pháp Đánh giá môi trường và xã hội chiến lược (SESA) để đánh giá cũng như quản lý các rủi ro/tác động tiềm ẩn từ phía "thượng nguồn" do kết quả từ các hoạt động của dự án: 1.2.4, 1.3.1, 1.3.2, 1.3.4, 1.4.7, 1.5.5, 2.3.6, 2.3.8, 2.4.5,3.2.2.
4. Áp dụng quy trình sàng lọc bổ sung (kèm SESP). Quy trình FPIC liên tục là cơ sở để lồng ghép bất cứ vấn đề nào phát sinh từ nhóm DTTS vào việc áp dụng các quy trình SESP tiếp theo và cập nhật liên tục Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội.

# Giới thiệu

Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) này được chuẩn bị cho dự án do UNDP hỗ trợ có tiêu đề *“Thúc đẩy bảo tồn loài hoang dã và du lịch có trách nhiệm dựa vào thiên nhiên vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam”*. Khung chính sách này không chỉ nhằm hỗ trợ công tác đánh giá tác động tiềm ẩn đối với môi trường và xã hội, mà còn làm cơ sở cho các đánh giá có mục tiêu về Quản lý môi trường và xã hội, đồng thời tới đây Kế hoạch sẽ được phát triển ngay tại giai đoạn ban đầu triển khai dự án để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu tại chính sách SES của UNDP. Công tác triển khai Khung quản lý môi trường và xã hội sẽ do Bộ Tài nguyên (TNMT) chịu trách nhiệm và được Quản đốc dự án giám sát trong suốt thời gian tiến hành dự án. UNDP là Cơ quan thực hiện GEF đối với dự án phải tuân thủ các yêu cầu nêu trong Khung quản lý môi trường và xã hội này. Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của UNDP là các tiêu chuẩn áp dụng cho khung quản lý này.

Dựa trên Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP, việc phân tích và sàng lọc sơ bộ trong giai đoạn phát triển dự án đã xác định được rủi ro xã hội và môi trường tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động của dự án. Kết quả sau khi sàng lọc cho thấy xếp hạng tổng thể của dự án nằm ở mức rủi ro "Đáng kể" và có thể quản lý được hầu hết các rủi ro "vừa phải" và "thấp" dựa trên các biện pháp giảm thiểu cụ thể đã nêu chi tiết trong báo cáo SESP và trong Bảng 4 của báo cáo này. Cần sử dụng (các) ESIA và Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội mục tiêu để quản lý hai loại rủi ro đã xác định; bao gồm 'Đáng kể' vì những rủi ro này có thể liên quan đến thay đổi sinh kế và/hoặc tác động đến các phương thức thực hành xã hội, văn hóa và truyền thống của vùng dân tộc thiểu số. Đối với những rủi ro "vừa phải", có thể cần đánh giá bổ sung và thực hiện các biện pháp quản lý bảo vệ.

# Mô tả dự án

**Mục tiêu của dự án:** Thúc đẩy bảo tồn đa dạng sinh học và sinh kế bền vững thông qua các giải pháp sáng tạo về du lịch dựa vào thiên nhiên.

**Phương thức thiết kế dự án:**

Tích hợp đa dạng sinh học trong các lĩnh vực và khu vực cảnh quan đất liền và biển bằng cách thực hiện lồng ghép đa dạng sinh học vào các lĩnh vực ưu tiên.

Giải quyết các động lực trực tiếp để bảo vệ sinh cảnh và loài cũng như cải thiện tính bền vững về tài chính, hiệu quả quản lý và độ bao phủ hệ sinh thái của ở diện tích được bảo tồn ở cấp độ toàn cầu.

Dự án sẽ hỗ trợ **Vườn Quốc gia Núi Chúa** ở tỉnh Ninh Thuận và **Vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng** ở tỉnh Quảng Bình, bao gồm khoảng 146.984 ha diện tích trên cạn (23.658 ha ở Núi Chúa và 123.326 ha ở Phong Nha-Kẻ Bàng) và 7.352 ha diện tích biển (ở Núi Chúa), cũng với mục tiêu mở rộng công tác bảo tồn dựa vào thiên nhiên đối với khu vực thực hiện dự án/cảnh quan biển xung quanh Vườn quốc gia Núi Chúa.

Dự án thúc đẩy du lịch dựa vào thiên nhiên có trách nhiệm thông qua sự phối hợp đa ngành trong việc tiếp cận khu vực thực hiện dự án lớn hơn, với mục tiêu giảm các mối đe dọa đối với tài nguyên thiên nhiên, giảm cung cấp các sản phẩm liên quan đến động vật hoang dã và huy động các cơ chế tài chính bền vững.

Dựa trên một ước tính để đảm bảo các cơ hội tiềm năng để tạo mới và/hoặc ổn định/duy trì việc làm "xanh" và các hoạt động sinh kế dựa vào du lịch cộng đồng, ước tính sẽ có khoảng 3.000 người hưởng lợi từ điều này.

Các hợp phần/Đầu ra

Mục tiêu của dự án bao gồm việc thực hiện bốn hợp phần có liên quan và bổ sung lẫn nhau:

**Hợp phần 1: Tạo lập khuôn khổ nhằm cân bằng giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển du lịch**

Hợp phần này sẽ gồm sáu đầu ra:

Đầu ra 1.1: Xây dựng nền tảng điều phối và đối tác liên ngành quốc gia hiệu quả để lập kế hoạch du lịch nhiều cấp tại các khu vực đa dạng sinh học có giá trị cao nhằm hỗ trợ việc thực hiện Chiến lược quốc gia về ĐDSH đến 2030, tầm nhìn 2050 (NBSAP) theo Quyết định 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 1 năm 2022, đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả các chiến lược đa dạng sinh học và phát triển du lịch quốc gia.

Đầu ra 1.2: Các tiêu chuẩn, tiêu chí và hướng dẫn về bảo tồn đa dạng sinh học nhằm phát triển, quản lý và vận hành du lịch bền vững tại các khu vực đa dạng sinh học có giá trị cao được xây dựng, thông qua và hỗ trợ cùng với các hệ thống giám sát, xác minh và báo cáo.

Đầu ra 1.3: Lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học vào các chính sách, quy định về du lịch và quy hoạch tổng thể đối với phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên quốc gia và lồng ghép trong các chính sách quản lý Khu bảo tồn.

Đầu ra 1.4: Tăng cường khung chính sách để vận hành mô hình du lịch dựa vào thiên nhiên, đặc biệt là để thúc đẩy: (i) quan hệ đối tác công tư trong du lịch dựa vào thiên nhiên; và (ii) sự tham gia vào và chia sẻ lợi ích thu được từ du lịch dựa vào thiên nhiên trong cộng đồng, nhằm đảm bảo cải thiện bảo tồn đa dạng sinh học.

Đầu ra 1.5: Các biện pháp thiết thực và được chuẩn hóa để đánh giá tác động môi trường và xã hội của hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên tại các khu vực có đa dạng sinh học cao nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng đến động vật hoang dã, sinh cảnh, văn hóa và cuộc sống địa phương, và cùng với đó là các tiêu chuẩn để đảm bảo tuân thủ quy định.

Đầu ra 1.6: Khung chính sách và pháp lý rõ ràng, thuận lợi để thúc đẩy và áp dụng chi trả dịch vụ hệ sinh thái biển và đất ngập nước (PMES và PWES) tại các địa bàn dự án và các khu vực khác.

**Hợp phần 2: Hợp tác du lịch dựa vào thiên nhiên mang lại lợi ích cho cộng đồng, loài hoang dã và sinh cảnh tại Vườn quốc gia Núi Chúa và Phong Nha-Kẻ Bàng**

Hợp phần này gồm 7 đầu ra:

Đầu ra 2.1: Diễn đàn liên ngành về du lịch dựa vào thiên nhiên cấp tỉnh nhằm hỗ trợ quan hệ hợp tác và đầu tư giữa chính phủ và khu vực tư nhân để thúc đẩy phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên, lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học, ở hai tỉnh Quảng Bình và Ninh Thuận.

Đầu ra 2.2: Chương trình du lịch dựa vào thiên nhiên mang tính tích hợp được xây dựng tại Vườn quốc gia Núi Chúa và Phong Nha-Kẻ Bàng.

Đầu ra 2.3: Tăng cường giám sát trạng thái của các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học chủ chốt để đánh giá hiệu quả quản lý KBT, quản lý mối đe dọa đối với động vật hoang dã và kết quả về bảo tồn từ hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên.

Đầu ra 2.4: Xây dựng năng lực thể chế để nâng cao năng lực bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học của các khu bảo tồn, cũng như theo dõi, giám sát và ngăn chặn hiệu quả các hoạt động bất hợp pháp liên quan đến động vật hoang dã.

Đầu ra 2.5: Tổ chức các chương trình chia sẻ lợi ích và bảo tồn dựa vào cộng đồng từ du lịch dựa vào thiên nhiên cũng như các sản phẩm và dịch vụ liên quan để cung cấp các hoạt động tạo thu nhập mang tính mới lạ và sáng tạo.

Đầu ra 2.6: Thí điểm mô hình chi trả PMES tại vườn quốc gia Núi Chúa và các khu vực lân cận;

Đầu ra 2.7: Đúc rút kết quả từ hoạt động thí điểm/áp dụng dựa vào bằng chứng các hướng dẫn và tiêu chí ở cấp địa phương, để rút ra kinh nghiệm và hoàn thiện khung chính sách

**Hợp phần 3: Xây dựng năng lực và thay đổi hành vi, công nhận giá trị của du lịch dựa vào thiên nhiên và bảo vệ các loài hoang dã và đa dạng sinh học**

Hợp phần này gồm 5 đầu ra:

Đầu ra 3.1: Vận đqlaantrong ngành du lịch và lữ hành để khuyến khích thúc đẩy du lịch dựa vào thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học.

Đầu ra 3.2: Các sáng kiến ​​và truyền thông thay đổi hành vi và xã hội có mục tiêu nhắm tới khách du lịch trong nước và quốc tế nhằm tác động đến việc mua, sử dụng và buôn bán các sản phẩm loài hoang dã bất hợp pháp và thúc đẩy thái độ tích cực hơn đối với loài hoang dã và bảo tồn thiên nhiên.

Đầu ra 3.3: Tiếp cận cộng đồng tại hai khu bảo tồn và vùng đệm để thay đổi thái độ và tạo áp lực xã hội nhằm ngăn chặn sự tham gia vào hoạt động săn bắt trộm và buôn bán loài hoang dã và nâng cao nhận thức về lợi ích của mô hình du lịch dựa vào thiên nhiên và chi trả cho các dịch vụ môi trường.

Đầu ra 3.4: Ngành du lịch và các doanh nghiệp liên quan lồng ghép các biện pháp thực hành thân thiện để tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của du khách, cũng như khuyến khích du khách tham gia vào các hành động bảo tồn đa dạng sinh học tại hai Khu bảo tồn.

Đầu ra 3.5: Xây dựng năng lực thể chế và đào tạo các bên liên quan ở cấp trung ương để lồng ghép và tích hợp vấn đề đa dạng sinh học trong quy hoạch, giám sát, triển khai và thực thi loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên.

**Hợp phần 4. Phổ biến, quản lý kiến thức, giám sát và đánh giá (M&E)**

Hợp phần này gồm 3 đầu ra:

Đầu ra 4.1: Phát triển và phổ biến chiến lược tiếp thị và tài liệu thông tin về nỗ lực thúc đẩy chất lượng và sự đa dạng của du lịch dựa vào thiên nhiên tại các KBT trong dự án trên các diễn đàn du lịch Việt Nam và thế giới.

Đầu ra 4.2: Phát triển nền tảng trao đổi kiến thức nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình quản lý và quy hoạch du lịch dựa vào thiên nhiên.

Đầu ra 4.3: Hệ thống Giám sát & đánh giá kết hợp lồng ghép giới và các biện pháp bảo đảm an toàn, được xây dựng và triển khai cho mục đích quản lý thích ứng.

# Mục đích và phạm vi của Khung quản lý môi trường và xã hội này

Khung quản lý môi trường và xã hội này được phát triển dưới dạng một công cụ quản lý để hỗ trợ quản lý các tác động xấu tiềm ẩn đến môi trường và xã hội liên quan đến các hoạt động của dự án do GEF tài trợ, phù hợp với các yêu cầu SES của UNDP. Đối tác triển khai của dự án và các thành viên có liên quan trong Ban quản lý dự án sẽ tuân theo Khung quản lý môi trường và xã hội này trong quá trình triển khai dự án và đảm bảo đánh giá đầy đủ các rủi ro và tác động xấu đến môi trường và xã hội cũng như đưa ra được các biện pháp quản lý trước khi triển khai các hoạt động liên quan của dự án .

Khung quản lý môi trường và xã hội này xác định các bước để sàng lọc và đánh giá chi tiết các rủi ro tiềm ẩn của dự án đối với xã hội và môi trường, cũng như chuẩn bị và phê duyệt các kế hoạch quản lý cần thiết để tránh, hoặc giảm nhẹ và quản lý các tác động xấu trong trường hợp không thể tránh được. Phạm vi của Khung quản lý môi trường và xã hội bao gồm tất cả các hoạt động dự án được mô tả ở trên trong Phần 2, bao gồm đồng tài trợ bằng hiện vật, các khoản tài trợ và đầu tư cổ phần từ các cơ quan chính phủ khác nhau và khu vực tư nhân cần thiết để triển khai dự án.

# Tác động tiềm ẩn đến xã hội và môi trường

Trong giai đoạn PPG, SESP của UNDP được áp dụng để xác định các rủi ro tiềm ẩn đối với xã hội và môi trường cũng như các tác động tích cực liên quan đến Dự án này. Dự án đã được xem xét kỹ lưỡng về loại hình, vị trí, quy mô, độ nhạy cảm và mức độ của các tác động tiềm ẩn đối với xã hội và môi trường. Tất cả các hoạt động của dự án đã được sàng lọc, bao gồm công tác hỗ trợ lập kế hoạch, tư vấn chính sách, tăng cường năng lực và can thiệp trực tiếp, cụ thể tại từng địa điểm. Quá trình sàng lọc nhấn mạnh mục đích của dự án liên quan đến việc thúc đẩy nhân quyền, bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, cũng như trách nhiệm giải trình và tính bền vững về môi trường.

Về phần rủi ro, SESP xác định có tổng cộng 14 rủi ro, trong đó 10 rủi ro được đánh giá ở mức Trung bình và ba rủi ro được đánh giá ở mức Đáng kể (một rủi ro được đánh giá ở mức thấp); do đó xếp hạng phân loại rủi ro SESP tổng thể cho dự án là “Đáng kể”. Tài liệu dự án bao gồm mẫu SESP trình bày chi tiết các rủi ro cụ thể đối với môi trường và xã hội đã được xác định.

**Rủi ro đáng kể**: Được SESP của UNDP định nghĩa là *“Các dự án bao gồm các hoạt động tiềm ẩn những rủi ro và tác động xấu đến môi trường và xã hội, đa dạng hoặc phức tạp hơn so với các dự án ở mức Rủi ro trung bình nhưng vẫn còn hạn chế về quy mô và có mức độ thấp hơn so với các dự án Rủi ro cao (ví dụ như ảnh hưởng để lại với quy mô nhỏ hơn, dễ đoán hơn, có thể đảo ngược, ít nguy cơ gây tác động tích lũy).”*

Sau đây là các rủi ro của dự án và tầm ảnh hưởng của các rủi ro này như được xác định trong SESP đã hoàn thành trong Phụ lục 9 của Văn kiện dự án.

*Rủi ro 1: Do có sự hiện diện của dân tộc thiểu số ở cả hai Khu bảo tồn, một số đầu ra/hợp phần chính của dự án sẽ yêu cầu đạt được Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) của người dân tộc thiểu số trước khi triển khai các hoạt động này. Điều này đặc biệt đúng đối với các hoạt động được dự án hỗ trợ về việc phát triển các sản phẩm và trải nghiệm du lịch dựa vào thiên nhiên của địa phương, cũng như việc tham gia vào quá trình thiết kế và triển khai dự án.* Các cộng đồng *dân tộc thiểu số* có *thể không biết về quy trình đồng thuận hoặc không có đầy đủ năng lực để đưa ra FPIC phù hợp với các chính sách quốc tế và quốc gia. Việc tham vấn và tham gia với cộng đồng địa phương bị hạn chế trong quá trình thiết kế dự án (do các lệnh hạn chế COVID-19 của quốc gia), điều này đã làm trầm trọng thêm các vấn đề liên quan đến khả năng PAP chấp thuận theo các yêu cầu của UNDP SES 6. (***Đáng kể)**

*Rủi ro 2:* Những thay đổi về chính sách liên quan đến dự án có thể dẫn đến các hoạt động du lịch mới và khả năng ngừng/giảm các hoạt động hiện có.  *Điều này có thể dẫn đến xung đột với các cộng đồng dân cư trong và xung quanh các khu bảo tồn. Xung đột có thể phát sinh do các hợp phần của dự án XXXXXX . Xung đột tiềm ẩn có thể bao gồm bất đồng giữa chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư hoặc các nhà khai thác du lịch hoặc cộng đồng tùy thuộc vào quan điểm và lợi ích cụ thể trong phát triển du lịch.* **(Trung bình)**

*Rủi ro 3: Phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên có thể chưa bao gồm hoặc phản ánh đầy đủ quan điểm của phụ nữ và trẻ em gái cũng như chưa đảm bảo được cơ hội công bằng để họ được tham gia và đạt được lợi ích cũng như đưa ra quyết định về việc quản lý và sử dụng tài nguyên. (***Trung bình)**

*Rủi ro 4: Các can thiệp của dự án có thể gây nên/góp phần vào các hoạt động (trực tiếp hoặc gián tiếp) tạo ra tác động của việc thay đổi số lượng/loại hình du lịch và/hoặc du lịch dựa vào thiên nhiên cũng như nhu cầu tăng cao đối với các sản phẩm dựa vào thiên nhiên tại các sinh cảnh hoặc hệ sinh thái nhạy cảm (ví dụ: đất/thảm thực vật bị xói mòn, chất thải, nước cống, lây lan sinh vật ngoại lai) hoặc các loài bị đe dọa hoặc khai thác* **(Trung bình)**

*Rủi ro 5: Dự án có thể liên quan đến việc khai thác LSNG từ rừng tự nhiên và tài nguyên biển cho sinh kế được đề xuất và các doanh nghiệp cộng đồng quy mô nhỏ, điều này có thể vô tình ảnh hưởng xấu đến các sinh cảnh quan trọng. (***Trung bình)**

*Rủi ro 6: Việc thương mại hóa và khai thác du lịch dựa vào thiên nhiên trong du lịch sinh thái có thể gây ra thiệt hại cho các khu vực linh thiêng và địa điểm văn hóa, đặc biệt là do hành vi du lịch không phù hợp (ví dụ, phá hoại các địa điểm văn hóa) và/hoặc có thể làm tổn hại/thay đổi di sản văn hóa phi vật thể (ví dụ: tri thức về truyền thống). (***Trung bình)**

*Rủi ro 7: Sự phát triển của du lịch dựa vào thiên nhiên có thể làm thay đổi khả năng tiếp cận hiện tại đối với các Khu bảo tồn và nguồn tài nguyên nằm trong các khu vực này, bao gồm việc vô tình hạn chế khả năng tiếp cận của cộng đồng dân cư địa phương. (***Trung bình)**

*Rủi ro 8: Các cộng đồng địa phương, chính quyền và công ty du lịch lữ hành có thể có thiếu sót trong năng lực quản lý, giám sát hoạt động và phát triển du lịch để tuân thủ theo các tiêu chuẩn và chuẩn mực dành cho quy hoạch, phát triển, vận hành du lịch bền vững, do đó dẫn đến việc vi phạm quyền con người (***Trung bình)**

*Rủi ro 9: Trong quá trình hoạt động, các hoạt động du lịch mạo hiểm dựa vào thiên nhiên có thể gây rủi ro về an toàn cho cộng đồng, các đơn vị kinh doanh du lịch tại địa phương và khách du lịch. Các hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên do dự án hỗ trợ có thể bao gồm các hoạt động thám hiểm có rủi ro cao về an toàn như thám hiểm hang động, v.v. (***Trung bình)**

*Rủi ro 10: Các hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên có khả năng làm tăng phát thải các chất ô nhiễm và rác thải vào hệ sinh thái tự nhiên (do lượng khách du lịch tăng cao và việc thực hành phương pháp quản lý chất thải không phù hợp tại các khu bảo tồn), dẫn đến nhiều tác động cục bộ (***Trung bình)**

*Rủi ro 11: Dự án hỗ trợ hiệu quả quản lý tại cấp cơ sở như thực thi pháp luật hoặc nâng cao nhận thức, có thể gây ra nhiều rủi ro về an toàn cho nhân viên Khu bảo tồn do khuynh hướng ngày càng có nhiều tội phạm săn bắt trái phép. Ngược lại, việc hỗ trợ cho nhân viên Khu bảo tồn/nhân viên an ninh cũng có thể gây ra nhiều rủi ro cho cộng đồng địa phương. (***Đáng kể)**

*Rủi ro 12: Những hậu quả tiêu cực không mong muốn từ những thay đổi chính sách ở cấp vĩ mô dẫn đến thay đổi đối với phát triển du lịch ở Việt Nam (ví dụ, các tiêu chuẩn và hướng dẫn du lịch dựa vào thiên nhiên mới) có thể có gây tác động tiêu cực đến di sản văn hóa hoặc hạn chế khả năng tiếp cận của cộng đồng địa phương với các Khu bảo tồn và nguồn tài nguyên nằm trong các khu vực này. (***Trung bình)**

*Rủi ro 13: Covid-19 và các đợt bùng phát dịch bệnh từ động vật tiềm ẩn nguy cơ lây nhiễm khác vẫn còn phổ biến trong các khu vực dự án và có nguy cơ gây lây nhiễm và phơi nhiễm cho những người tham gia thực hiện dự án. (***Đáng kể)**

*Rủi ro 14: Lao động trẻ em vẫn là một vấn đề gây nhức nhối tại Việt Nam và có thể xảy ra ở các khu vực xung quanh dự án,* đặc biệt, các dân tộc thiểu số là những cộng đồng dễ bị ảnh hưởng nhất**[[3]](#footnote-3). (Thấp)**

Dự án sẽ đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định trong nước được nêu trong phần này và sẽ tận dụng các cơ hội từ những điều luật cụ thể nhằm mang lại thành công trong việc đạt được mục tiêu của dự án. Trong một số trường hợp hiếm hoi, UNDP SES có thể đặt ra các tiêu chuẩn cao hơn và các yêu cầu bổ sung ngoài những điều được yêu cầu theo luật pháp quốc gia. Trong trường hợp có sự khác nhau về mức độ tuân thủ nghiêm ngặt trong của quy định quốc gia, quy định quốc tế và UNDP SES, thì điều khoản nghiêm ngặt nhất trong số các điều khoản đó cần được tuân thủ.

Bảng dưới đây cung cấp tóm tắt về tầm quan trọng của rủi ro theo từng nguyên tắc và tiêu chuẩn SES, cũng như các tiêu chuẩn bảo vệ cấp dự án do từng dự án được khởi xướng (đánh dấu tích).

**Bảng 5 Các tiêu chuẩn SES được kích hoạt**

| **Nguyên tắc bao quát/Tiêu chuẩn cấp dự án** | **Đánh giá** |
| --- | --- |
| Quyền con người | **✓****Đáng kể** |
| Bình đẳng giới và nữ quyền | **✓****Trung bình** |
| Trách nhiệm giải trình | **✓****Đáng kể** |
| Tiêu chuẩn 1: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững | **✓****Trung bình** |
| Tiêu chuẩn 2: Biến đổi khí hậu và Giảm thiểu biến đổi khí hậu | **✓****Trung bình** |
| Tiêu chuẩn 3: Sức khỏe cộng đồng, tính an toàn và điều kiện làm việc | **✓****Đáng kể** |
| Tiêu chuẩn 4: Di sản văn hóa | **✓****Trung bình** |
| Tiêu chuẩn 5: Di dời và tái định cư | **✓****Trung bình** |
| Tiêu chuẩn 6: Cư dân bản địa | **✓****Đáng kể** |
| Tiêu chuẩn 7: Lực lượng lao động và điều kiện làm việc | **✓****Trung bình** |
| Tiêu chuẩn 8: Ngăn ngừa ô nhiễm và tính hiệu quả của nguồn tài nguyên | **✓****Trung bình** |
| **Số lượng mối nguy hại trong mỗi phân loại rủi ro** |
| Cao | 0 |
| Đáng kể | 3 |
| Trung bình | 10 |
| Thấp | 1 |
| Tổng số rủi ro của dự án | 14 |
| Phân loại rủi ro tổng thể của dự án | **Đáng kể** |

Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường của UNDP (SESP) là cơ sở cho việc xếp hạng rủi ro tổng thể ở mức "đáng kể" của dự án. Theo hướng dẫn SESP năm 2021, một dự án được coi là có rủi ro xã hội và môi trường "đáng kể" khi nó *"bao gồm các hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro và tác động xấu đến môi trường và xã hội, đa dạng hoặc phức tạp hơn so với các dự án ở mức Rủi ro trung bình nhưng vẫn còn hạn chế về quy mô và có mức độ thấp hơn so với các dự án Rủi ro cao (ví dụ như ảnh hưởng để lại với quy mô nhỏ hơn, dễ dự đoán hơn, có thể đảo ngược, ít nguy cơ gây tác động tích lũy)".*

1. Sự tham gia của các bên liên quan và quy trình công bố thông tin

Trong giai đoạn PPG, nhiều cuộc thảo luận đã được tổ chức giữa các bên liên quan của dự án, bao gồm các cộng đồng địa phương tại khu vực dự án. Danh sách các bên liên quan tham gia vào các cuộc thảo luận này được nêu trong Phụ lục 9.4. Ngoài ra còn có Kế hoạch tham gia của từng bên liên quan (Phụ lục 7 của Văn kiện dự án UNDP) và Kế hoạch hành động về giới cho dự án (Phụ lục 10 của Văn kiện dự án UNDP).

Những Kế hoạch này sẽ được tuân thủ để đảm bảo rằng các bên liên quan tham gia vào việc thực hiện dự án, đặc biệt là trong việc đánh giá sâu rộng hơn đối với các tác động xã hội và môi trường, đồng thời phát triển các biện pháp quản lý thích hợp. Kế hoạch tham gia của các bên liên quan trong dự án sẽ được sửa đổi khi cần thiết trong quá trình thực hiện dự án dựa trên các đánh giá và kế hoạch quản lý được thực hiện theo Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) này.

Trong quá trình thực hiện Khung quản lý môi trường và xã hội này, các bên liên quan có khả năng bị ảnh hưởng cũng sẽ tham gia. Điều này sẽ bao gồm tham vấn FPIC với các dân tộc thiểu số, nếu có.

SES của UNDP yêu cầu các bên liên quan của dự án có quyền tiếp cận các thông tin liên quan. Cụ thể, SES (SES, Quy trình phân phối chính sách, đoạn 21) quy định rằng, ngoài các hình thức công bố khác được quy định bởi các chính sách và thủ tục của UNDP, UNDP sẽ đảm bảo vẫn cung cấp những thông tin sau:

* Kế hoạch tham gia của các bên liên quan và báo cáo tóm tắt các cuộc tham vấn của các bên liên quan
* Báo cáo về sàng lọc xã hội và môi trường cùng với văn kiện dự án
* Bản dự thảo về đánh giá xã hội và môi trường, bao gồm bất kỳ dự thảo về kế hoạch quản lý nào
* Đánh giá môi trường và xã hội bản cuối và các kế hoạch quản lý liên quan
* Các báo cáo về giám sát xã hội và môi trường cần thiết.

Như đã nêu trong SES và Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP, loại và thời gian đánh giá và kế hoạch quản lý khác nhau tùy thuộc vào mức độ rủi ro xã hội và môi trường liên quan đến một dự án, cũng như tính kịp thời của đánh giá về xã hội và môi trường

Theo chính sách SES của UNDP, Khung quản lý môi trường và xã hội này (và SESP của dự án) sẽ được đăng tải trên trang web của UNDP Việt Nam. Các Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội sau dự án hoặc (các) kế hoạch quản lý độc lập sẽ được đăng tải công khai trên trang web của UNDP Việt Nam sau khi được soạn thảo, và sẽ chỉ được hoàn thiện và thực hiện sau khi thời hạn yêu cầu công bố đã qua.

Các bên liên quan phải tuân thủ theo các yêu cầu về sự tham gia và việc tiết lộ thông tin trong quá trình thực hiện Khung quản lý môi trường và xã hội này, cũng như việc thực hiện các Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội liên quan sau đó và bất kỳ kế hoạch quản lý độc lập nào.

# Cơ chế giải quyết khiếu nại

## 5.1 Cơ chế trách nhiệm giải trình của UNDP

SES của UNDP thừa nhận rằng ngay cả khi lập kế hoạch một cách tường tận và có sự tham gia của các bên liên quan, những thách thức không mong đợi vẫn có thể xuất hiện. Do đó, SES có Cơ chế trách nhiệm giải trình bao gồm hai hợp phần chính:

* 1. Một Ban đánh giá tuân thủ môi trường và xã hội (SECU) để giải quyết các khiếu nại cho rằng UNDP không tuân thủ các chính sách xã hội và môi trường hiện hành; và
	2. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan (SRM) nhằm đảm bảo các cá nhân, người dân và cộng đồng chịu ảnh hưởng bởi dự án được tiếp cận với các thủ tục giải quyết khiếu nại phù hợp để điều trần và giải quyết các khiếu nại và tranh chấp liên quan đến dự án.

Cơ chế trách nhiệm giải trình của UNDP dành cho tất cả các bên liên quan trong dự án của UNDP.

Ban đánh giá tuân thủ môi trường và xã hội (SECU) điều tra những lo ngại về việc không tuân thủ Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường của UNDP do các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi dự án nêu lên và đề xuất các biện pháp để giải quyết các phát hiện về việc không tuân thủ.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan (SRM) nhằm giúp các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi dự án, các đối tác của UNDP (chính phủ, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp) và những đối tượng khác cùng giải quyết các khiếu nại hoặc tranh chấp liên quan đến các tác động xã hội và/hoặc môi trường của các dự án do UNDP hỗ trợ.

Để biết thêm thông tin, bao gồm cách gửi yêu cầu tới SECU hoặc SRM, có sẵn trên trang web của UNDP tại: <http://www.undp.org/content/undp/en/home/operations/accountability/secu-srm/>

## 5.1 Cơ chế giải quyết khiếu nại cấp dự án

Như đã nêu trong Văn kiện dự án, Bộ TNMT sẽ thiết lập và thực hiện Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) cấp dự án một cách minh bạch, công bằng và dễ dàng tiếp cận, cơ chế đã được các bên liên quan thông qua và sẽ được đưa vào áp dụng khi bắt đầu thực hiện. Các bên liên quan quan tâm có thể gửi đơn khiếu nại đến Văn phòng quản lý dự án, Cơ quan thực hiện dự án, UNDP hoặc GEF bất kỳ lúc nào.

Dự án cần chỉ định một nhân viên phụ trách điều hành và giám sát việc giải quyết khiếu nại từ cấp quốc gia đến cấp địa phương, cũng như định kỳ báo cáo về tiến độ dự án. Một quy trình xử lý khiếu nại tiêu chuẩn phải trải qua các bước sau:

* **Bước 1:** Tiếp nhận và đăng ký khiếu nại (qua email, thư, fax, điện thoại, các cuộc họp
* **Bước 2:** Xác nhận, Đánh giá, Chỉ định: Xác nhận việc tiếp nhận và xác định cách thức giải quyết khiếu nại, đánh giá tính đủ điều kiện và phân công trách nhiệm của tổ chức nhằm đề xuất phản hồi.
* **Bước 3:** Đề xuất phản hồi: Có ba loại hình phản hồi phổ biến: (1) Trực tiếp hành động để giải quyết khiếu nại; (2) Đánh giá bổ sung và tương tác với người khiếu nại và các bên liên quan khác để cùng tìm ra cách tốt nhất để xử lý vấn đề chung; (3) Xác định rằng khiếu nại không đủ điều kiện cho cho việc áp dụng Cơ chế giải quyết khiếu nại, hoặc vì khiếu nại không đáp ứng các tiêu chí cơ bản về tính đủ điều kiện hoặc vì một cơ chế khác (bên trong hoặc bên ngoài tổ chức) thích hợp hơn để khiếu nại.
* **Bước 4:** Truyền đạt câu trả lời được đề xuất cho người khiếu nại và tìm kiếm sự đồng thuận trong phản hồi: Bước này sẽ cung cấp phản hồi nhanh chóng cho người khiếu nại bằng văn bản sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu cho người khiếu nại. Nhân viên phụ trách phản hồi cũng có thể gọi cho người khiếu nại qua điện thoại hoặc sắp xếp một cuộc gặp với người khiếu nại để xem xét và thảo luận về cách tiếp cận ban đầu. Phản hồi, được đưa ra dựa trên phản hồi được đề xuất, phải mô tả được rõ ràng về các lựa chọn của người khiếu nại. Các lựa chọn đó có thể bao gồm đồng ý tiếp tục, yêu cầu xem xét lại quyết định về tính đủ điều kiện hoặc quyết định giới thiệu, tham gia vào cuộc thảo luận bổ sung về một hành động đã được đề xuất hoặc tham gia vào quá trình đánh giá và tham gia được đề xuất. Ngoài ra, phản hồi cần lưu ý bất kỳ cách thức tổ chức, tư pháp hoặc phi tư pháp nào khác nhưng chính thức của chính phủ để giải quyết khiếu nại mà người khiếu nại có thể có mong muốn xem xét.
* **Bước 5:** Thực hiện phản hồi để giải quyết khiếu nại: ở bước này, nếu người khiếu nại và cán bộ GRM cùng đi đến thỏa thuận tiếp tục cùng nhau thực hiện hành động được đề xuất hoặc quy trình của các bên liên quan, thì phản hồi sẽ được đưa vào thực hiện.
* **Bước 6:** Xem xét lại phản hồi nếu không thành công: cán bộ GRM cần xem xét lại tình hình cùng với người khiếu nại và xem có thể xử lý được mối lo ngại nào của người khiếu nại bằng cách sửa đổi phản hồi hay không. Nếu không, cán bộ GRM cần thông báo cho người khiếu nại về các giải pháp thay thế có thể áp dụng, bao gồm việc tìm đến các cơ chế tư pháp hoặc hành chính khác để được hỗ trợ. Dù người khiếu nại chọn phương án nào thì điều quan trọng là cán bộ GRM phải ghi lại cuộc thảo luận với người khiếu nại và lựa chọn đúng nhất của người khiếu nại trong số các phương án thay thế
* **Bước 7:** Đóng hoặc chuyển tiếp đơn khiếu nại

Cơ chế Giải quyết Khiếu nại được quy định trong Khung quản lý môi trường và xã hội này khuyến khích giải quyết vấn đề theo đồng thuận của cả hai bên tại thời điểm phát sinh vấn đề. Cơ chế này được thiết kế nhằm mục đích:

* Xây dựng một quy trình hợp pháp để đảm bảo rằng mối lo ngại của các bên liên quan được đánh giá kịp thời, công bằng và minh bạch;
* Cung cấp hỗ trợ đầy đủ cho những cá nhân từng gặp khó khăn trong việc trình bày mối lo ngại của mình;
* Cung cấp quy trình rõ ràng và ngắn gọn cho từng giai đoạn của quy trình Cơ chế giải quyết khiếu nại;
* Đảm bảo đối xử công bằng với các cá nhân và nhóm qua cách tiếp cận chính thức, nhất quán, công bằng, đầy đủ thông tin và tôn trọng các mối lo ngại, bất bình và/hoặc khiếu nại;

Cơ chế giải quyết khiếu nại không phân biệt giới tính hay tuổi tác, sẵn sàng phản hồi và giải quyết các vấn đề về rào cản tiếp cận đối với người dân tộc thiểu số, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, thanh thiếu niên và các nhóm có khả năng chịu thiệt thòi khác nếu phù hợp với Dự án. Cơ chế giải quyết khiếu nại sẽ không cản trở quyền tiếp cận tư pháp và sẵn sàng hỗ trợ tất cả các bên liên quan mà không phát sinh chi phí. Thông tin về Cơ chế giải quyết khiếu nại và cách thức trình bày bất bình và/hoặc khiếu nại phải được truyền đạt trong quá trình tham gia của các bên liên quan và được đặt ở những vị trí phù hợp với thông tin của những bên liên quan chính. Các tiêu chí đủ điều kiện áp dụng Cơ chế giải quyết khiếu nại này bao gồm:

* Tác động tiêu cực nhận thấy được về kinh tế, xã hội hoặc môi trường đối với một cá nhân và/hoặc nhóm, hoặc lo ngại về các tác động có thể xảy ra do kết quả của dự án;

Tác động đã xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra; và giải thích về cách thức mà dự án đã gây ra hoặc có thể gây ra những tác động đó;

Dự án này cũng sẽ tuân theo pháp luật của Chính phủ Việt Nam, cụ thể là Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo đã được Quốc hội Việt Nam thông qua vào năm 2011 và sửa đổi vào năm 2018. Những nền tảng pháp lý này đưa ra các phản hồi đơn giản, nhanh chóng, công bằng và hiệu quả cho các bên liên quan. Tuy nhiên, đối với các nhóm dễ bị tổn thương, ít được tiếp cận với các quy trình pháp lý chính thống, Dự án phải cung cấp hỗ trợ cần thiết để nhóm người này được đối xử công bằng và các khiếu nại của họ được giải quyết ngay lập tức. Có thể chỉnh sửa và cập nhật Cơ chế giải quyết khiếu nại này nếu cần thiết tùy theo tình hình thực tế của dự án. Cơ chế này phải được chuyển đến các cộng đồng dân cư và các bên liên quan có quan tâm đến vấn đề này để họ hiểu rõ và có thể trình bày khiếu nại/bất bình liên quan đến các vấn đề xã hội và môi trường lên UBND tại địa phương để xem xét.

Những bất bình và khiếu nại liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của Dự án này trước tiên sẽ được xử lý qua biện pháp thương lượng nhằm đạt được sự đồng thuận chung. Các vấn đề này phải được xử lý qua ba cấp độ, trước khi đến biện pháp cuối cùng là khởi kiện ra tòa án. Các bên liên quan sẽ không phải trả phí khi khiếu nại. Ba cấp độ bao gồm:

* **Cấp độ thứ nhất** - Tại Ủy ban nhân dân xã (UBND xã), người dân có thể nộp đơn khiếu nại cho bất kỳ cán bộ nào của UBND xã, bằng văn bản hoặc lời nói. Cán bộ của UBND xã đó có trách nhiệm thông báo cho UBND xã về khiếu nại. UBND xã sẽ gặp riêng người khiếu nại và sẽ có 15 ngày sau khi nộp đơn khiếu nại để giải quyết vụ việc. Ban thư ký UBND xã có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu hồ sơ tất cả các khiếu nại đang chờ UBND xã giải quyết;
* **Cấp độ thứ hai** - Tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (UBND huyện) Nếu sau 15 ngày mà người khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND xã hoặc nếu UBND xã đưa ra các giải pháp nhưng người đó không hài lòng với quyết định giải quyết khiếu nại của mình thì có thể trình bày vụ việc với bất kỳ cán bộ nào UBND huyện, qua văn bản hoặc lời nói. UBND huyện sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc. UBND huyện chịu trách nhiệm lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ tất cả các khiếu nại mà UBND huyện xử lý;
* **Cấp thứ ba** - Tại Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) Nếu sau 30 ngày mà người khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND huyện, hoặc nếu người đó không hài lòng với quyết định giải quyết khiếu nại, họ có thể có thể trình bày vụ việc với bất kỳ cán bộ nào của UBND tỉnh, bằng văn bản hoặc lời nói. Ủy ban nhân dân tỉnh có 45 ngày để giải quyết khiếu nại cho tất cả những người có liên quan. UBND tỉnh cũng có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ tất cả các khiếu nại mà cơ quan này xử lý; Cấp độ cuối - Tòa án. Nếu sau 45 ngày kể từ ngày nộp đơn khiếu nại lên UBND tỉnh, người khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND tỉnh, hoặc nếu không hài lòng với quyết định đối với đơn khiếu nại của mình thì vụ việc có thể bị đưa ra toà khởi kiện. Phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng mà các bên liên quan phải tuân theo. Trong dự án này, bản án có thể tham khảo Luật Khiếu nại 2011, Luật Đa dạng sinh học 2008, Luật Đất đai 2013, Luật Bảo vệ môi trường 2014 hoặc Luật Lâm nghiệp 2017 để làm cơ sở pháp lý khi đưa ra quyết định.
1. tức là, 1.2.2, 1.2.4, 1.3.3, 1.4.3, 1.4.7, 1.5.4, 2.1.5, Đầu ra 2.2, Đầu ra 2.3, 2.4.3, 2.5.3. [↑](#footnote-ref-1)
2. có thể xác định trong giai đoạn khởi động dự án này để thực hiện “ESIA theo phạm vi đã khoanh vùng” theo phương pháp của SAPA (miễn là điều này tiếp tục đáp ứng các yêu cầu theo SES của UNDP). Xem phần 7.2 để biết thêm chi tiết. [↑](#footnote-ref-2)
3. <https://www.ilo.org/hanoi/Areasofwork/child-labour/lang--en/index.htm> [↑](#footnote-ref-3)